

Bản án số: 20/2019/DS-ST

Ngày: 07-01-2019

V/v tranh chấp thừa kế và tranh
chấp quyền sở hữu.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Xuân Hải
2. Bà Lê Thị Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Vũ Khắc – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 27/12/2018 và ngày 07/01/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2008/TLST – DS ngày 28/01/2008 về việc “Tranh chấp thừa kế”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5941/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1913 (chết ngày 10/12/2007)

Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H:

- 1.1. Bà Phan Thị Thanh P, sinh năm: 1950.
- 1.2. Bà Phan Thị Thanh M, sinh năm: 1950.
- 1.3. Bà Thái Kiều N (vắng mặt)

Địa chỉ: 11670 $\frac{3}{4}$ Ferris Rood EL Monte CA 91732 2602 USA.

- 1.4. Bà Thái Kiều T, sinh năm: 1936. (vắng mặt)

Địa chỉ: 1 đường số A, căn cứ B, Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Phan Thị Thanh P, sinh năm 1950.

3. Bà Phan Thị Thanh M, sinh năm 1955.

Cùng địa chỉ: 1 N, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Thanh P, bà Phan Thị Thanh M: Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1932 (có mặt)

Địa chỉ: I V, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1932 (có mặt)

Địa chỉ: I V, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Ông Phan Trọng Đ1, sinh năm 1968, địa chỉ: I V, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Phan Văn K, sinh năm 1933 (chết ngày 28/6/2007)

Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K:

5.1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1933

5.2. Bà Phan Thị H1, sinh năm 1956

5.3. Bà Phan Thị L1, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: C H, San Jose CA 95135 USA.

5.4. Ông Phan Văn H2, sinh năm 1961

5.5. Ông Phan Quốc T1, sinh năm 1964

5.6. Bà Phan Thanh P1, sinh năm 1959

5.7. Bà Phan Thị Kim C, sinh năm 1963

5.8. Bà Phan Thị Thanh T2, sinh năm 1965

5.9. Bà Phan Kim Y, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: A, 153A, 153B, A N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà P1, bà C, bà T2, bà Y: Ông Phan Văn H2, bà Phan Thị H1 và ông Phan Quốc T1.

5.10. Ông Thạch Quốc D, sinh năm 1961 (vắng mặt)

5.11. Ông Thạch Quốc B, sinh năm 1966 (có mặt)

5.12. Bà Thạch Thị Hồng H3, sinh năm 1967 (vắng mặt)

5.13. Ông Thạch Phúc H4, sinh năm 1970 (vắng mặt)

5.14. Ông Thạch Văn B1, sinh năm 1971 (vắng mặt)

5.15. Ông Thạch Văn H5, sinh năm 1961 (vắng mặt)

5.16. Bà Thạch Thị T3, sinh năm 1934 (vắng mặt)

5.17. Ông Thạch Phúc T4, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 9 V, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.18. Bà Nguyễn Thị Bích P2, sinh năm 1961 (có mặt)

5.19. Bà Nguyễn Thị Y1 (chết ngày 07/10/2008)

5.19.1. Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Y: Bà Nguyễn Thị Bích P2, sinh năm 1961 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 9 Đ, Phường I, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phan Trung C1, sinh năm 1946 (có mặt)

Địa chỉ: A N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1933

Địa chỉ: 153 Nơ Trang Long, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bà Phan Thị H1, sinh năm 1956 (có mặt)
3. Ông Nguyễn Thành Q, sinh năm 1958
Cùng địa chỉ: A N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Ông Phan Văn H2, sinh năm 1961 (có mặt)
5. Bà Lê Thị H6, sinh năm 1962
Cùng địa chỉ: A N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Ông Phan Quốc T1, sinh năm 1964 (có mặt)
7. Bà Võ Thị H7, sinh năm 1964
Cùng địa chỉ: A N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Bà Phan Thanh P1, sinh năm 1959
9. Ông Huỳnh Nguyễn V, sinh năm: 1952
10. Bà Phan Thị Kim C, sinh năm 1963
11. Bà Phan Thị Thanh T2, sinh năm 1965
12. Ông Nguyễn Văn P3, sinh năm: 1965
13. Bà Phan Kim Y, sinh năm 1966
Cùng địa chỉ: A N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo ủy quyền của bà L, ông Q, bà H6, bà H7, bà P1, ông V, bà C, bà T2, ông P3, bà Y: Ông Phan Văn H2, bà Phan Thị H1 và ông Phan Quốc T1 (có mặt).
14. Bà Đinh Thị T5, sinh năm 1948 (có mặt)
15. Ông Phan Trung C2, sinh năm 1974 (vắng mặt)
16. Bà Ngô Thị Xuân T6, sinh năm 1981 (vắng mặt)
17. Ông Phan Trung C3, sinh năm 1971 (vắng mặt)
18. Bà Nguyễn Thị Tuấn P4, sinh năm 1973 (vắng mặt)
19. Bà Phan Thị Quỳnh T7, sinh năm 1969 (vắng mặt)
20. Ông Lại Nhân T8, sinh năm 1964 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: A N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
21. Bà Phan Thị L1, sinh năm 1957 (vắng mặt)
Địa chỉ: C H, San Jose CA 95135 USA.
22. Ông Thạch Quốc D, sinh năm 1961 (vắng mặt)
23. Ông Thạch Quốc B, sinh năm 1966 (có mặt)
24. Bà Thạch Thị Hồng H3, sinh năm 1967 (vắng mặt)
25. Ông Thạch Phúc H4, sinh năm 1970 (vắng mặt)
26. Ông Thạch Phúc T4, sinh năm 1995 (vắng mặt)
27. Ông Thạch Văn B1, sinh năm 1971 (vắng mặt)
28. Ông Thạch Văn H5, sinh năm 1972 (vắng mặt)
29. Bà Thạch Thị T3, sinh năm 1934 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: 9 V, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
30. Bà Nguyễn Thị Y1 (chết ngày 07/10/2008)

30.1. Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Y: Bà Nguyễn Thị Bích P2, sinh năm 1961 (có mặt)

31. Bà Nguyễn Thị Bích P2, sinh năm 1961 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 9 Đ, Phường I, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

32. Bà Thái Kiều N (vắng mặt)

Địa chỉ: 11670 ³/₄ Ferris Rood EL Monte CA 91732 2602 USA.

33. Bà Thái Kiều T, sinh năm 1936 (vắng mặt)

Địa chỉ: 2 N, Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

34. Ông Trần Phan Minh T9, sinh năm 1996 (vắng mặt)

35. Ông Nguyễn Thanh L2, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: A N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

36. Bà Phan Võ Nguyệt T10, sinh năm 1993 (vắng mặt)

37. Trẻ Phan Võ Nhật T11, sinh năm 2002

Người đại diện theo pháp luật của trẻ T11: Ông Phan Quốc T1 và bà Võ Thị H7 là cha mẹ ruột của trẻ T11.

Địa chỉ: A N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

38. Bà Nguyễn Phan Phương Q1, sinh năm 1993 (vắng mặt)

39. Ông Nguyễn Phan Minh Q2, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: A N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

40. Bà Phan Thị Thanh V1, sinh năm 1988 (vắng mặt)

41. Bà Phan Thị Thanh V2, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: A N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

42. Trẻ Phan Ngô Xuân T12, sinh năm 2004

43. Trẻ Phan Ngô Trung T13, sinh năm 2012

Người đại diện theo pháp luật của trẻ T12, trẻ T13: ông Phan Trung C2 và bà Ngô Thị Xuân T6 là cha mẹ ruột của trẻ T12, trẻ T13.

44. Trẻ Phan Nguyễn Khánh P5, sinh năm 2004

Người đại diện theo pháp luật của trẻ P5: ông Phan Trung C3 và bà Nguyễn Thị Tuấn P6 là cha mẹ ruột của trẻ P5.

45. Trẻ Lại Tiến T14, sinh năm 2001

Người đại diện theo pháp luật của trẻ T14: ông Lại Nhân T15 và bà Phan Thị Huỳnh T16 là cha mẹ ruột của trẻ T14.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khiếu tố ngày 28/12/1996 và đơn xin giải quyết tranh chấp thừa kế ngày 22/12/1999, nguyên đơn bà Trần Thị H, ông Phan Văn Đ, ông Phan Văn K, bà Phan Thị Thanh P, bà Phan Thị Thanh M trình bày:

Phần đất 517m² tọa lạc tại Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và hai căn nhà số A và A N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh trên là của ông Phan Văn D1.

Ông D1 chết ngày 31/8/1982, không để lại di chúc.

Trong cuộc họp Hội đồng gia tộc ngày 15/12/1996, các đồng thừa kế hàng thừa kế thứ nhất đồng ý ký tên hợp thức hóa số di sản nêu trên và mở thừa kế với hình thức đồng sở hữu. Tuy nhiên, ông Phan Trung C1, đang ngụ tại nhà số A N, Phường A, quận B không đồng ý và cản trở việc hợp thức hóa.

Nay chúng tôi yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Phan Văn D1 chết để lại theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và ghi nhận ý kiến của các đương sự do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 01/9/2015, các đương sự thống nhất với quan hệ nhân thân của ông Phan Văn D1 như sau:

1. Ông Phan Văn D1 chung sống với bà Võ Thị B2 (chết năm 1935), không nhớ rõ thời gian chung sống, chung sống không đăng ký kết hôn. Ông D1 chung sống với bà B2 có 02 người con là ông Phan Văn Đ và ông Phan Văn K (chết năm 2007).

1.1. Ông K chung sống với bà Nguyễn Thị L có 10 người con gồm: Bà Phan Thị H1, bà Phan Thị L1, bà Phan Thanh P1, ông Phan Văn H2, bà Phan Thị Kim C, ông Phan Quốc T1, bà Phan Thị Thanh T2, bà Phan Kim Y, ông Phan Thành T17, (chết trước năm 1975, không có vợ con), ông Phan Quốc D2 (chết không nhớ rõ năm, không có vợ con).

1.2. Ông Kim C4 sống với bà Thạch Thị T3 có 07 người con gồm: ông Thạch Quốc D, ông Thạch Quốc B, bà Thạch Thị Hồng H3, ông Thạch Phúc H4, ông Thạch Hữu P7 (không nhớ năm sinh, chết năm 2003 có vợ (không rõ tên) và có 01 người con là Thạch Phúc T4), ông Thạch Văn B1, ông Thạch Văn H5.

1.3. Ông K chung sống với bà Nguyễn Thị Y1 có 01 người con chung là bà Nguyễn Thị Bích P2.

2. Ông D1 chung sống với bà Nguyễn Thị L3 không đăng ký kết hôn, có 01 người con chung là ông Phan Trung C1.

3. Ông D1 chung sống với bà Trần Thị H, có đăng ký kết hôn và có 02 người con chung là Phan Thị Thanh P, và bà Phan Thị Thanh M.

Trước khi chung sống với ông D1 thì bà H có chung sống với ông Thái Tào G (đã chết không rõ năm) và có 02 người con chung là bà Thái Kiều T và Thái Kiều N.

4. Ông D1 và bà Lê Thị C5, không có con chung.

Nguyên đơn ông Phan Văn Đ trình bày:

Tôi yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Phan Văn D1 chết để lại là diện tích đất nhà, đất tại số A và A N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho 6 người thừa kế của ông D1 là bà Trần Thị H, ông Phan Văn Đ, ông Phan Văn K, ông Phan Trung C1, bà Phan Thị Thanh P và bà Phan Thị Thanh M. Tôi yêu cầu được nhận hiện vật, phần phía sau nhà 151A, sau diện tích mộ và trước nhà A N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn bà Phan Thị Thanh P và bà Phan Thị Thanh M ủy quyền cho ông Phan Văn Đ trình bày thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Phan Văn Đ và xin được nhận giá trị.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/12/2008, người kế thừa quyền và nghĩa vụ theo tố tụng của bà Trần Thị H là bà Thái Kiều T trình bày:

Bà là con của bà Trần Thị H (chết năm 2007) và ông Thái Tào G (chết năm 1993). Ông G và bà H chung sống với nhau có 02 con chung là Thái Kiều T và Thái Kiều N. Nay tôi đồng ý chia thừa kế của ông D1 chết để lại. Riêng kỹ phần của tôi được hưởng thừa kế, tôi xin nhường lại cho ông Đ.

Nguyên đơn ông Phan Văn K chết năm 2007, có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K là bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị H1, bà Phan Thanh P1, ông Phan Văn H2, ông Phan Quốc T1, bà Phan Thị Kim C, bà Phan Kim Y, bà Phan Thị Thanh T2 cùng ủy quyền cho ông Phan Văn H2, bà Phan Thị H1 và ông Phan Quốc T1 đại diện trình bày:

Nhà, đất tọa lạc tại số A N ông D1 đã cho ông K và bà L, nhà đã mục, nát nên ông K và bà L có xây dựng, sửa chữa lại như hiện nay. Nếu chia thừa kế phải trừ căn nhà A N vì ông D1 đã cho ông K.

Ngày 11/12/2014, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tụng của ông K gồm bà Nguyễn Thị L, ông Phan Văn H2, ông Phan Quốc T1, bà Phan Thị H1, bà Phan Thanh P1, bà Phan Thị Thanh T2, bà Phan Kim Y, bà Phan Thị Kim C đã có đơn xin rút đơn khởi kiện. Nay chúng tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu rút đơn khởi kiện và không đồng ý chia thừa kế di sản thừa kế của ông D1 theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Nguyên đơn ông Phan Văn K chết có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng bà Thạch Thị T3, ông Thạch Quốc D, ông Thạch Quốc B, bà Thạch Thị Hồng H3, ông Thạch Phúc H4, ông Thạch Phúc T4, ông Thạch Văn B1, ông Thạch Văn H5 trình bày:

Chúng tôi đồng ý với yêu cầu chia thừa kế di sản của ông D1 chết để lại và xin được nhận phần của cha tôi là ông Phan Văn K.

Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K và bà Nguyễn Thị Y1 là bà Nguyễn Thị Bích P2 trình bày:

Tôi đồng ý với yêu cầu chia thừa kế di sản của ông D1 chết để lại và xin được nhận phần thừa kế của cha tôi là ông Phan Văn K chết để lại.

Bị đơn ông Phan Trung C1 trình bày:

Theo trích lục sổ điền thổ ngày 13/10/1965 thì nguồn gốc đất tại A B Xã thành lập ngày 17/02/1965 (nay là 151A, 153, 153A, 153B, A N, Phường A, quận B) là của một người Pháp. Ông Phan Văn D1 là người quản lý. Trên khu đất này cha tôi (ông D1) cất nhà 153 N. Năm 1974 ông D1 cho tôi một phần đất (chuồng ngựa) để cất nhà 151A Nơ Trang L4 (không làm giấy tờ vì ông D1 chưa đứng tên trên giấy tờ nhưng có thông báo cho cả gia tộc và gia đình tôi đã ở cho đến nay. Năm 1953, ông D1 cho gia đình ông K căn nhà 153 N. Tôi yêu cầu công nhận nhà, đất 151A Nơ Trang Long thuộc quyền sở hữu của tôi đã

được ông D1 tặng cho. Tôi chỉ đồng ý chia thừa kế phần diện tích đất còn lại, trừ 02 căn nhà 151A và A N, Phường A, quận B. Theo tôi những người thừa kế của ông D1 gồm 07 người là bà Nguyễn Thị L3, bà Trần Thị H, ông Phan Văn Đ, ông Phan Văn K, ông Phan Trung C1, bà Phan Thị Thanh P và bà Phan Thị Thanh M (đúng như bản án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh).

Người có quyền và nghĩa vụ liên bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị H1, bà Phan Thanh P1, ông Phan Văn H2, ông Phan Quốc T1, bà Phan Thị Kim C, bà Phan Kim Y, bà Phan Thị Thanh T2, ông Huỳnh Nguyễn V, ông Nguyễn Văn P3, ông Nguyễn Thành Q, bà Lê Thị H6, bà Võ Thị H7 cùng ủy quyền cho ông Phan Văn H2, Phan Quốc T1 bà Phan Thị H1 đại diện trình bày:

Nhà 153 Nơ Trang L4 ông D1 đã cho ông K và bà L, nhà đã mục, nát nên ông K và bà L có xây dựng, sửa chữa lại như hiện nay. Chúng tôi không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn, nếu chia thừa kế phải trừ căn nhà A N, Phường A, quận B, vì ông D1 đã cho ông K.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 03/6/2017 và tại các biên bản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H1 trình bày:

Năm 1993, tôi xây dựng nhà A N, Phường A, quận B được sự đồng ý của Hội đồng gia tộc, việc xây dựng không xin phép. Hiện nay gia đình tôi đang ở tại căn nhà trên. Tôi không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời, yêu cầu công nhận căn nhà, đất tọa lạc số A N, Phường A, quận B thuộc quyền sở hữu của tôi, vì đã được hội đồng gia tộc đồng ý cho phép cất nhà trên phần đất đang sử dụng.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 03/6/2017 và tại các biên bản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn H2 trình bày:

Năm 1993, tôi xây dựng nhà A N, Phường A, quận B được sự đồng ý của Hội đồng gia tộc, việc xây dựng không xin phép. Hiện nay gia đình tôi đang ở tại căn nhà trên. Tôi không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời, yêu cầu công nhận căn nhà, đất tọa lạc số A N, Phường A, quận B thuộc quyền sở hữu của tôi, vì đã được hội đồng gia tộc đồng ý cho phép cất nhà trên phần đất đang sử dụng.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 03/6/2017 và tại các biên bản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Quốc T1 trình bày:

Năm 1993, tôi xây dựng nhà A N, Phường A, quận B được sự đồng ý của Hội đồng gia tộc, việc xây dựng không xin phép. Hiện nay gia đình tôi đang ở tại căn nhà trên. Tôi không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời, yêu cầu công nhận căn nhà, đất tọa lạc số A N, Phường A, quận B thuộc quyền sở hữu của tôi, vì đã được hội đồng gia tộc đồng ý cho phép cất nhà trên phần đất đang sử dụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đình Thị T5 trình bày:

Tôi thống nhất với ý kiến của bị đơn ông C1 (chồng của tôi), ngoài ra tôi có thêm ý kiến là từ khi tôi về ở trên khu đất tôi thấy nhà A N, Phường A, quận B đã mục nát, gia đình ông K đã xây dựng, sửa chữa lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Trung C2, bà Ngô Thị Xuân T6, ông Phan Trung C3, bà Nguyễn Thị Tuấn P4, bà Phan Thị Quỳnh T7, ông Lại Nhân T8 trình bày:

Các ông bà là con ruột, con dâu, con rể của ông Phan Trung C1 và bà Đinh Thị T5. Các ông bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông C1 và bà T5.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị T3, ông Thạch Quốc D, ông Thạch Quốc B, bà Thạch Thị Hồng H3, ông Thạch Phúc H4, ông Thạch Phúc T4, ông Thạch Văn B1, ông Thạch Văn H5 trình bày:

Ông Phan Văn K và bà Thạch Thị T3 chung sống không có đăng ký kết hôn và có chung 07 người con gồm: ông Thạch Quốc D, ông Thạch Quốc B, bà Thạch Thị Hồng H3, ông Thạch Phúc H4, ông Thạch Văn B1, ông Thạch Văn H5, Thạch Hữu P7 (chết năm 1968), có vợ không đăng ký kết hôn bỏ đi từ năm 1995 và có một con chung là ông Thạch Phúc T4.

Ngoài ra ông K còn chung sống với bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Y1.

Ông K chết không để lại di chúc.

Nay ông Đ yêu cầu chia thừa kế nhà đất chúng tôi đồng ý và xin nhận phần thừa kế bằng tiền.

Tại bản tự khai ngày 06/5/2008, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích P2 trình bày:

Bà là con của ông Phan Văn K và bà Nguyễn Thị Y1. Ông K và bà Y chung sống không có đăng ký kết hôn và có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích P2 và Nguyễn Thanh T18 (chết năm 1968), lúc còn nhỏ. Nay ông Đ yêu cầu chia thừa kế nhà đất bà đồng ý và yêu cầu được hưởng phần thừa kế của ông Phan Văn K.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2014, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Phan Phương Q1 và ông Nguyễn Phan Minh Q2 trình bày:

Chúng tôi là con của ông Nguyễn Thành Q và bà Phan Thị H1. Hiện chúng tôi đang sống với cha mẹ tại địa chỉ A N, Phường A, quận B.

Chúng tôi không biết gì về việc tranh chấp thừa kế của ông Phan Văn Đ và ông Phan Trung C1. Chúng tôi thống nhất với lời trình bày của cha mẹ chúng tôi và không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2014, ngày 15/4/2014, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Thanh V1 và bà Phan Thị Thanh V2 trình bày:

Chúng tôi là con của ông Phan Văn H2 và bà Lê Thị H6. Hiện chúng tôi đang sống với cha mẹ tại địa chỉ A N, Phường A, quận B.

Chúng tôi không biết gì về việc tranh chấp thừa kế của ông Phan Văn Đ và ông Phan Trung C1. Chúng tôi thống nhất với lời trình bày của cha mẹ chúng tôi và không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2014, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Võ Nguyệt T10 trình bày:

Cha mẹ của tôi là ông Phan Quốc T1 và bà Võ Thị H7. Ông T1 và bà H7 có 02 người con là Phan Võ Nguyệt T10 và Phan Võ Nhật T11 (sinh ngày 09/01/2002). Hiện tôi đang sống với cha mẹ tại địa chỉ A N, Phường A, quận B.

Tôi không biết gì về việc tranh chấp thừa kế của ông Phan Văn Đ và ông Phan Trung C1. Tôi thống nhất với lời trình bày của cha mẹ tôi và không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2014, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh L2 trình bày:

Cha mẹ của tôi là ông Nguyễn Văn P3 và bà Phan Thị Thanh T2. Ông P3 và bà T2 có 01 người con là Nguyễn Thanh L2. Hiện nay tôi đang sống với cha mẹ tại địa chỉ A N, Phường A, quận B. Tôi không biết gì về việc tranh chấp thừa kế của ông Phan Văn Đ và ông Phan Trung C1. Tôi thống nhất với lời trình bày của cha mẹ tôi và không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm

+ Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ2, bà Phan Thị Thanh P, bà Phan Thị Thanh M cùng ủy quyền cho ông Phan Văn Đ đại diện và ông Đ ủy quyền cho ông Đ1 xác định diện tích đất thuộc về bất động sản số 1017, nhằm lô số 77, tờ bản đồ thứ 8 Bình Hòa xã, có diện tích 517m² (nay thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 25, Phường A, quận B, đo đạc thực tế là 631m²) trên đất hiện nay có các căn nhà 153, 153A, 153B, 153C, A N, Phường A, quận B và 10 cái mộ là di sản của ông Phan Văn D1 và bà Trần Thị H. Do đó, yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Phan Văn D1 chết để lại là ½ quyền sử dụng đất (sau khi trừ ra diện tích 10 cái mộ có diện tích là 31,1m²; trừ đường đi chung có diện tích là 166,99m²; trừ diện tích đất vi phạm lộ giới 16,3m²; trừ phần đất giáp mộ (xung quanh mộ) số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 có diện tích là 33,11m² là đường đi chung theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018). Còn lại ½ tài sản quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản của bà H thì ông Đ không yêu cầu chia.

Trường hợp toàn bộ diện tích quyền sử dụng đất nêu trên là di sản của ông Phan Văn D1 thì ông Đ yêu cầu chia cho 06 người gồm bà Trần Thị H, ông Phan Văn Đ, ông Phan Văn K, ông Phan Văn C6, bà Phan Thị Thanh P, bà Phan Thị Thanh M theo quy định của pháp luật và xin nhận giá trị phần thừa kế là 1/6 giá trị theo biên bản định giá.

Ông Đ xác định yêu cầu chia thừa kế di sản là quyền sử dụng đất. Bởi vì, phần xây dựng nhà A N, Phường A, quận B đã xuống cấp và vợ chồng ông C6, bà T5 đã xây dựng và sửa chữa như hiện nay và phần xây dựng tại các căn nhà 153, 153A, 153B, 153C là do bà L, bà H1, ông H2, ông T1 xây dựng nên ông Đ không tranh chấp và không yêu cầu chia phần xây dựng.

+ Bà Phan Thị Thanh P, bà Phan Thị Thanh M cùng ủy quyền cho ông Phan Văn Đ đại diện xin nhận giá trị.

+ Nguyên đơn ông Phan Văn K chết năm 2007 có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ theo tổ tụng ông K gồm bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị H1, bà Phan Thanh P1, ông Phan Văn H2, ông Phan Quốc T1, bà Phan Thị Kim C, bà Phan Kim Y, bà Phan Thanh T2 cùng ủy quyền cho ông Phan Văn H2, Phan Quốc T1 bà Phan Thị H1 đại diện xin rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn K.

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ theo tổ tụng của ông Phan Văn K là ông Thạch Quốc B yêu cầu chia di sản của ông Phan Văn D1 chết để lại theo quy định của pháp luật.

+ Kế thừa quyền và nghĩa vụ theo tổ tụng của ông K và bà Nguyễn Thị Y1 là bà Nguyễn Thị Bích P2 yêu cầu chia di sản của ông Phan Văn D1 chết để lại theo quy định của pháp luật.

+ Bị đơn ông Phan Trung C1 phản tố yêu cầu công nhận phần diện tích đất tại khuôn viên số A N, Phường A, quận B thuộc quyền sở hữu của ông đã được ông D1 tặng cho ngày tổ chức lễ cưới. Đồng thời, xác định diện tích đất thuộc về bất động sản số 1017, nhằm lô số 77, tờ bản đồ thứ 8 Bình Hòa xã, có diện tích 517m² (nay thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 25, Phường A, quận B, đo đạc thực tế là 631m²) (trừ ra phần đất ông D1 cho ông tại số A N) là di sản của ông Phan Văn D1. Do đó, yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Phan Văn D1 chết để lại là diện tích đất thuộc về bất động sản số 1017, nhằm lô số 77, tờ bản đồ thứ 8 Bình Hòa xã, có diện tích 517m² (nay thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 25, Phường A, quận B, đo đạc thực tế là 631m²) trên đất hiện nay có các căn nhà 153, 153A, 153B, 153C, 151A và 10 ngôi mộ (sau khi trừ ra diện tích 10 cái mộ có diện tích là 31,1m²; trừ đường đi chung có diện tích là 166,99m²; trừ diện tích đất vi phạm lộ giới 16,3m²; trừ phần đất giáp mộ (xung quanh mộ) số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 có diện tích là 33,11m² là đường đi chung và phần đất tọa lạc tại 151A Nơ Trang Long mà ông đang sử dụng đã được ông D1 tặng cho) theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018. Còn lại là di sản của ông D1 chia đều cho 07 người gồm bà Trần Thị H, bà Nguyễn Thị L3, ông Phan Văn Đ, ông Phan Văn K, ông Phan Văn C6, bà Phan Thị Thanh P, bà Phan Thị Thanh M. Ông yêu cầu nhận hiện vật.

Ông xác định phần xây dựng nhà A N, Phường A, quận B là do vợ chồng ông xây dựng và phần xây dựng tại các căn nhà 153, 153A, 153B, 153C Nơ Trang L4 là do bà L, bà H1, ông H2, ông T1 xây dựng.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị T5 thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông C6.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Thành Q, bà Phan Thị H1, bà Phan Thanh P1, ông Phan Văn H2, bà Lê Thị H6, ông Phan Quốc T1, bà Võ Thị H7, ông Huỳnh Nguyễn V, bà Phan Thị Kim C, bà Phan Kim Y, ông Nguyễn Văn P3, bà Phan Thanh T2 cùng ủy quyền cho ông Phan Văn H2, Phan Quốc T1 bà Phan Thị H1 đại diện không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn, vì nhà, đất tọa lạc tại số A N do ông K, bà L xây dựng và sử dụng từ trước năm 1965 đến nay.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H1 yêu cầu công nhận căn nhà, đất tọa lạc số A N, Phường A, quận B thuộc quyền sở hữu của bà H1, vì đã được hội đồng gia tộc đồng ý cho phép cất nhà trên phần đất đang sử dụng từ năm 1993 đến nay, căn cứ tờ giấy gửi Hội đồng gia tộc của bà Phan Thị H1 ngày 29/11/1993 và không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn H2 yêu cầu công nhận căn nhà, đất tọa lạc số A N, Phường A, quận B thuộc quyền sở hữu của ông H2, vì đã được hội đồng gia tộc đồng ý cho phép cất nhà trên phần đất đang sử dụng từ năm 1993 đến nay, căn cứ tờ giấy gửi Hội đồng gia tộc của ông Phan Văn H2 ngày 04/12/1992 và không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Quốc T1 yêu cầu công nhận căn nhà, đất tọa lạc số A N, Phường A, quận B thuộc quyền sở hữu của ông, vì đã được hội đồng gia tộc đồng ý cho phép cất nhà trên phần đất đang sử dụng từ năm 1993 đến nay, căn cứ tờ giấy gửi Hội đồng gia tộc của ông Phan Quốc T1 ngày 27/02/1993 và không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn.

+ Bà Phan Thị Kim C thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà H1, ông H2, ông T1 và không có yêu cầu gì khác.

+ Ông Thạch Quốc B yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

+ Các đương sự thống nhất không có công sức giữ gìn bảo quản, ma chay và cũng không có tranh chấp phần xây dựng. Ngoài ra các đương sự cũng không có yêu cầu gì khác.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu từ khi thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Đồng thời, các đương sự trong vụ án thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của pháp luật tố tụng quy định. Tuy nhiên, vụ án được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý ngày 28/01/2008 nhưng mãi đến ngày 29/8/2008 mới ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án với lý do cần chờ kết quả ủy thác tư pháp. Ngày 13/01/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận được thông báo về kết quả ủy thác nhưng đến ngày 07/11/2016 Tòa án mới ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là không đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Theo đơn xin rút đơn khởi kiện ngày 11/12/2014 và tại phiên tòa những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn K là bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị H1, ông Phan Văn H2, ông Phan Quốc T1, bà Phan Thanh P1, bà Phan Thị Kim C, bà Phan Thị Thanh T2, bà Phan Kim Y cùng ủy quyền cho ông Phan Văn H2, bà Phan Thị H1 và ông Phan Quốc T1 đại diện giữ nguyên việc rút đơn khởi kiện của ông Phan Văn K. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông K.

Ông C6 cho rằng, khi đám cưới ông D1 đã tuyên bố cho vợ chồng ông nhà, đất tại số A N. Tuy nhiên, ông nguyên đơn ông Đ, bà P, bà M ủy quyền cho ông Đ đại diện và các đương sự không thừa nhận và cũng không biết có việc cho này. Đồng thời, theo giấy không ghi tiêu đề của ông Phan Văn D1 có nội dung đồng ý để căn nhà do tôi cất để dưỡng già tại vuông đất số 151A đường N, thuộc khóm B, Phường E, quận B (Gia định), cho con tôi là Phan Trung C1 cùng với vợ và con lập tờ khai gia đình. Tôi chỉ đồng ý cho vợ chồng Phan Trung C1 được ở tại căn nhà nói trên mà thôi, chứ không được chuyển nhượng hoặc bán cho ai cả. Ngoài ra, theo đơn không ghi tiêu đề ngày 26/8/1975 của ông Phan Văn D1 gửi ông Chủ tịch Ủy ban nhân dân K1, Phường E có nội dung: con tôi là Phan Trung C1 không có nhà ở nên tôi có cho gia đình nó về trú ngụ tại căn nhà nói trên. Căn nhà này không phải của cô Đinh Thị T5 đứng ra xây cất, vậy xin ông Chủ tịch vui lòng khước từ khi có đơn xin thành lập tờ khai gia đình do y thị đứng làm gia trưởng nếu không có sự yêu cầu của tôi. Do đó, ông C1 yêu cầu công nhận phần diện tích đất tại khuôn viên số A N, Phường A, quận B thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông C1 đã được ông D1 tặng cho là không có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Xét, tờ giấy gửi Hội đồng gia tộc của bà Phan Thị H1 ngày 29/11/1993; tờ giấy gửi Hội đồng gia tộc của ông Phan Văn H2 ngày 04/12/1992 và tờ giấy gửi Hội đồng gia tộc của ông Phan Quốc T1 ngày 27/02/1993 không có nội dung các thành viên gia tộc tặng cho bà H1, ông H2, ông T1 phần đất tại số nhà A, 153B, A N, Phường A, quận B. Đồng thời, tại phiên tòa ông Đ ủy quyền cho ông Đ1 đại diện và ông C1 không thừa nhận việc cho bà H1, ông H2, ông T1 các phần đất tại căn nhà 153C, 153B, A N. Do đó, bà H1 yêu cầu công nhận phần đất tại khuôn viên số nhà A, 153B, A N, Phường A, quận B thuộc quyền sở hữu của bà H1, ông H2, ông T1 được hội đồng gia tộc tặng cho là không có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H1, ông H2, ông T1 .

Theo trích sao điền thổ “Đề tham khảo” số 1208/TS-ĐC ngày 23/11/1996 của Sở Địa chính Thành phố H; Chứng thư đoạn mãi bất động sản năm 1965 thì quyền sử dụng đất là của ông D1. Do đó, bà H1, ông H2, ông T1 là người đại diện theo ủy quyền của bà L, ông Q, bà H6, bà H7, bà P1, ông V, bà C, bà T2, ông P3, bà Y không đồng ý chia quyền sử dụng đất tọa lạc tại số A N, Phường A, quận B (hiện nay bà L đang sử dụng), là không có căn cứ.

Về di sản thừa kế, người thừa kế và phần thừa kế: Toàn bộ diện tích 631m² thuộc thửa số 77, tờ bản đồ số 8 B xã (theo tài liệu trước năm 1975) – Nay thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 25, Phường A, quận B là di sản của ông D1, bà L3, bà H và bà C5 chết để lại.

Tại phiên tòa các đương sự thống nhất trừ các phần xây dựng nhà số 151A, 153, 153A, 153B, A N, Phường A, quận B và trước khi chia thừa kế diện tích đất 631m² thì trừ 10 cái mộ có diện tích là 31,1m²; trừ đường đi chung có diện tích là 166,99m²; trừ diện tích đất vi phạm lộ giới 16,3m²; trừ phần đất giáp mộ (xung quanh mộ) có diện tích là 33,11m² là đường đi chung theo bản vẽ hiện

trạng do Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018. Còn lại diện tích đất bao nhiêu thì chia theo quy định của pháp luật.

Di sản của ông D1 là $\frac{1}{4}$ diện tích đất $383,5m^2$, tương đương $95,87m^2$.

Những người thừa kế của ông D1 gồm bà L3, bà H, bà C5 và 05 người con là ông Đ, ông K, ông C1, bà P và bà M. Như vậy, mỗi người được $\frac{1}{8}$ diện tích đất $95,87m^2$ tương đương $11,98m^2$ đất;

Di sản của bà L3 là $\frac{1}{4}$ diện tích $383,5m^2$ đất và phần thừa kế $\frac{1}{8}$ di sản của ông D1, tương đương $107,85m^2$ đất.

Người thừa kế của bà L3 là ông C1, như vậy ông C1 được hưởng $107,85m^2$ và phần thừa kế của ông D1 là $11,98m^2$ đất, tương đương $119,83m^2$ đất;

Di sản của bà H là $\frac{1}{4}$ diện tích $383,5m^2$ đất và phần bà H thừa kế của ông D1, tương đương $107,85m^2$. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H là bà P, bà M (con ông D1) và 02 con riêng của bà H là bà Thái Kiều N, Thái Kiều T được nhận diện tích đất $107,85m^2$.

Di sản của bà C5 là $\frac{1}{4}$ diện tích $383,5m^2$ đất và phần thừa kế của ông D1, tương đương $107,85m^2$ đất. Do bà C5 không có người thừa kế nên di sản trên thuộc nhà nước.

Về phương thức chia: Các thừa kế trên được chia theo phần diện tích nêu trên. Người nhận đất thừa phải trả tiền cho người không nhận, cho nhà nước hoặc người thiếu. Giá đất được xác định theo giá tại biên bản định giá ngày 07/6/2013.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ theo tố tụng của ông K (con ông K, bà L). Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông C1 và không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H1, ông T1, ông H2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Nguyên đơn Trần Thị H, ông Phan Văn Đ, ông Phan Văn K, bà Phan Thị Thanh P8, bà Phan Thị Thanh M khởi kiện bị đơn ông Phan Trung C1 yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Phan Văn D1 chết để lại là 02 căn nhà 151A và A N, Phường A, quận B và toàn bộ diện tích $517m^2$. Bị đơn ông Phan Trung C1 có yêu cầu phản tố công nhận nhà, đất tại số A N, Phường A, quận B thuộc sở hữu của vợ chồng ông. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H1, ông Phan Văn H2, ông Phan Quốc T1 có yêu cầu độc lập yêu cầu công nhận nhà, đất tại số A, A, A N, Phường A, quận B thuộc sở hữu của các ông bà. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này “Tranh chấp thừa kế và tranh chấp về quyền sở hữu”. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị L1 và bà Thái Kiều N hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ. Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1

Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Các đương sự bà Thái Kiều T, ông Thạch Quốc D, bà Thạch Thị Hồng H3, ông Thạch Phúc H4, ông Thạch Văn B1, ông Thạch Văn H5, bà Thạch Thị T3, ông Thạch Phúc T4, ông Phan Trung C2, bà Ngô Thị Xuân T6, ông Phan Trung C3, bà Nguyễn Thị Tuấn P4, bà Phan Thị Quỳnh T7, ông Lại Nhân T8, ông Trần Phan Minh T9, ông Nguyễn Thanh L2, bà Phan Võ Nguyệt T10, bà Nguyễn Phan Phương Q1, ông Nguyễn Phan Minh Q2, bà Phan Thị Thanh V1, bà Phan Thị Thanh V2 có yêu cầu xin vắng mặt. Bà Phan Thị L1 và bà Thái Kiều N đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ủy thác tư pháp tổng đạt ngày xét xử đến lần thứ hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định của pháp luật.

[3] Căn cứ đơn xin rút đơn khởi kiện ngày 11/12/2014 của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn K là bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị H1, ông Phan Văn H2, ông Phan Quốc T1, bà Phan Thanh P1, bà Phan Thị Kim C, bà Phan Thị Thanh T2, bà Phan Kim Y và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phan Văn H2, bà Phan Thị H1 và ông Phan Quốc T1 là người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà P1, bà C, bà T2, bà Y giữ nguyên việc rút đơn khởi kiện của ông Phan Văn K. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ theo tố tụng nêu trên theo quy định khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Theo Hôn thú bậc nhất lập tại Hạnh thông xã ngày 19/9/1957 thể hiện: Ông Phan Văn D1 và bà Trần Thị H (vợ chánh) là vợ chồng (bút lục số 36).

[5] Theo bản sao Giấy chứng tử số 16 ngày 15/9/1982 do Ủy ban nhân dân quận B sao y bản chính ngày 28/7/1983 thể hiện: Ông Phan Văn D1, sinh năm 1911, chết ngày 31/8/1982 (bút lục số 34).

[6] Theo Giấy chứng tử số 01 quyển số 01.84 do Ủy ban nhân dân quận G cấp ngày 08/4/1984 thể hiện: Bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1911, chết ngày 08/3/1984 (bút lục số 28).

[7] Theo Giấy chứng tử (bản sao) số 82/2007 quyển số 01 ngày 11/12/2007 do Ủy ban nhân dân Phường E, quận B sao từ sổ đăng ký khai tử ngày 11/12/2007 thể hiện: Bà Trần Thị H, sinh năm 1913, chết ngày 10/12/2007.

[8] Theo Giấy chứng tử (bản sao) số 09 quyển số 01 ngày 27/10/1989 do Ủy ban nhân dân quận B cấp thể hiện: Bà Lê Thị C5, sinh năm 1920, chết ngày 22/10/1989 (bút lục số 191).

[9] Theo Giấy chứng tử (bản sao) số 66 quyển số 01 ngày 28/6/2007 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận B sao từ sổ đăng ký khai tử ngày 28/6/2007 thể hiện: Ông Phan Văn K, sinh năm 1933, chết ngày 28/6/2007 (bút lục số 653).

[10] Theo Giấy chứng tử số 65 quyền số 01.2008 ngày 08/10/2008 do Ủy ban nhân dân Phường I, Quận D cấp thể hiện: Bà Nguyễn Thị Y1, sinh năm 1936, chết ngày 07/10/2008.

[11] Theo Giấy chứng tử (bản sao) số 28 quyền số 01 ngày 27/4/2006 do Ủy ban nhân dân Phường K1, quận B cấp thể hiện: Ông Thạch Hữu P7, sinh năm 1969, chết ngày 28/01/2003.

[12] Theo Trích lục Bộ khai sanh bản số 4450 năm 1932 Trích lục y bản chính ngày 18/4/1968 của Phòng thể hiện: Ông Phan Văn Đ có cha là ông Phan Văn D1 và mẹ là bà Võ Thị B2 (bút lục số 151).

[13] Theo Giấy khai sinh (bản sao) số 45/TL của xã B, quận G, tỉnh Gia Định, do Ủy ban nhân dân quận B chứng sao y bản chính ngày 25/7/1991 thể hiện: Ông Phan Trung C1 có cha là ông Phan Văn D1 và mẹ là bà Phạm Thị L5 (bút lục số 33).

[14] Theo Giấy khai sinh (bản sao) số 1115/SY của xã B, quận G, tỉnh Gia Định, do Ủy ban nhân dân quận B chứng sao y bản chính ngày 25/12/1996 thể hiện: Bà Phan Thị Thanh P có cha là ông Phan Văn D1 và mẹ là bà Trần Thị H (bút lục số 36).

[15] Theo Giấy khai sinh (bản sao) của xã B, quận G, tỉnh Gia Định, do Ủy ban nhân dân quận B chứng sao y bản chính ngày 29/4/1989 thể hiện: Bà Phan Thị Thanh M có cha là ông Phan Văn D1 và mẹ là bà Trần Thị H (bút lục số 35).

[16] Theo Giấy khai sinh (bản sao) số 551 của B xã, quận G, tỉnh Gia Định, do Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh sao từ sổ đăng ký khai sinh ngày 29/01/2004 thể hiện: Bà Thái Kiều T có cha là ông Thái Tào G và mẹ là bà Trần Thị H.

[17] Theo Giấy khai sinh (bản sao) do Ủy ban nhân dân Quận D3 sao từ sổ đăng ký khai sinh ngày 31/7/2007 thể hiện: Bà Nguyễn Thị Bích P2, họ và tên cha (bỏ trống) và họ tên mẹ là bà Nguyễn Thị Y1.

[18] Tại phiên tòa các đương sự thống nhất về quan hệ nhân thân của ông Phan Văn D1 và xác nhận ông Phan Văn T19 và Phan Văn K là một người. Đồng thời, xác nhận bà B2 chết năm 1935.

[19] Theo Giấy chứng tử, Giấy khai sinh và tại phiên tòa các đương sự xác nhận thống nhất ông Phan Văn D1 chung sống với bà Trần Thị H có chung 02 người con là bà Phan Thị Thanh P và bà Phan Thị Thanh M. Ngoài ra, trước khi chung sống với ông D1 thì bà H có chung sống với ông Thái Tào G (đã chết không rõ năm) có 02 người con chung là bà Thái Kiều T và Thái Kiều N.

[20] Xét trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H, chết ngày 10/12/2007. Do đó, căn cứ Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự, thì những người thừa kế của bà Trần Thị H là bà Phan Thị Thanh P, bà Phan Thị Thanh M, bà Thái Kiều T, Thái Kiều N là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ theo tố tụng.

[21] Theo Giấy chứng tử, Giấy khai sinh và tại phiên tòa các đương sự xác nhận thống nhất ông Phan Văn K (Phan Văn T19) chung sống với bà Nguyễn

Thị L có 10 người con gồm: Bà Phan Thị H1, bà Phan Thị L1, bà Phan Thanh P1, ông Phan Văn H2, bà Phan Thị Kim C, ông Phan Quốc T1, bà Phan Thị Thanh T2, bà Phan Kim Y, ông Phan Thành T17 (chết trước năm 1975, không có vợ con), ông Phan Quốc D2, (chết không có vợ con).

Đồng thời, ông K (Tốt) chung sống với bà Thạch Thị T3 có 07 người con gồm: Ông Thạch Quốc D, ông Thạch Quốc B, bà Thạch Thị Hồng H3, ông Thạch Phúc H4, ông Thạch Hữu P7 chết ngày 28/01/2003, ông Thạch Văn B1, ông Thạch Văn H5.

Ông Thạch Hữu P7 chết ngày 28/01/2003, có vợ (không biết tên, hiện nay cũng không biết ở đâu) và có 01 người con là Thạch Phúc T4.

Ngoài ra, ông K (Tốt) chung sống với bà Nguyễn Thị Y1 (chết năm 2008) có 01 người con chung là bà Nguyễn Thị Bích P2.

[22] Xét trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Văn K (Phan Văn T19), chết ngày 28/6/2007. Do đó, căn cứ Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự, thì những người thừa kế của ông K (ông T19) gồm bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị H1, bà Phan Thị L1, bà Phan Thanh P1, ông Phan Văn H2, bà Phan Thị Kim C, ông Phan Quốc T1, bà Phan Thị Thanh T2, bà Phan Kim Y, bà Thạch Thị T3, ông Thạch Quốc D, ông Thạch Quốc B, bà Thạch Thị Hồng H3, ông Thạch Phúc H4, ông Thạch Văn B1, ông Thạch Văn H5, ông Thạch Phúc T4, bà Nguyễn Thị Bích P2, bà Nguyễn Thị Y1 là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ theo tổ tụng.

[23] Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Y1, chết ngày 07/10/2008. Do đó, căn cứ Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự, thì người thừa kế của bà Y là bà Nguyễn Thị Bích P2 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ theo tổ tụng.

[24] Theo trích sao điền thổ “Đề tham khảo” số 1208/TS-ĐC ngày 23/11/1996 của Sở Địa chính Thành phố H thể hiện: bất động sản số 1017 B xã lập bộ ngày 27/02/1965 nhằm lô số 77, tờ bản đồ thứ 08, tọa lạc tại B xã, diện tích 517m², di chuyển chủ quyền (đến ngày 30/4/1975) M1.

[25] Theo chứng thư đoạn mãi bất động sản năm 1965: Ông Georgeo Chavigny De L6 đại diện cho bà Marcelle C7 De Lachevrotiere thỏa thuận và quyết định đoạn mãi trọn bất động sản bằng khoán số 1017 B xã, thuộc loại thổ cư, diện tích đo đạc thành 0m05s17c. Ông Phan Văn D1 chủ mua nói trên, sẽ là sở hữu chủ bất động sản kể từ ngày này và được quyền hưởng dụng cũng từ ngày này bằng cách chiếm hữu thật sự.

[26] Theo bản kê khai nhà cửa ngày 15/12/1977 có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường A, quận B và Công ty Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố H thể hiện: Bà Đinh Thị T5 là người đứng khai căn nhà số A N, quận B; họ, tên chủ sở hữu đất ông Phan Văn D1; họ tên sở hữu nhà bà Đinh Thị T5; tại mục những điều ghi chú cần thiết: “Bằng khoán bị thất lạc, nhà của N1 cất bấy giờ để lại cho cháu ở là Đinh Thị T5 nên không có giấy đoạn mãi” (bút lục số 61).

[27] Theo Tờ đăng ký nhà – đất của bà Đinh Thị T5 ngày 20/8/1999 có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường 12 quận B ngày 03/01/2000 thể hiện: Bà

Đình Thị T5 là người đăng ký nhà, đất A N, Phường A, quận B; tại mục quá trình tạo lập hoặc sử dụng nhà, đất: Nhà do vợ chồng tôi tự xây cất trên đất của cha mẹ (bên chồng) là ông Phan Văn D1 và bà Phạm Thị L5 (tự Nguyễn Thị L3) đã ở từ năm 1935 (bút lục số 63).

[28] Theo giấy không ghi tiêu đề của ông Phan Văn D1 có nội dung: Đồng ý để căn nhà do tôi cất để dưỡng già tại vuông đất số 151A đường N, thuộc khóm B, Phường E, quận B (Gia đình), cho con tôi là Phan Trung C1 cùng với vợ và con lập tờ khai gia đình như sau: Phan Trung C1, Gia trưởng; Đình Thị T5, vợ và các con Phan Thị Quỳnh T7, Phan Trung C3, Phan Trung C2. Tôi chỉ đồng ý cho vợ chồng Phan Trung C1 được ở tại căn nhà nói trên mà thôi, chớ không được chuyển nhượng hoặc bán cho ai cả.

[29] Theo đơn không ghi tiêu đề ngày 26/8/1975 của ông Phan Văn D1 gửi ông Chủ tịch Ủy ban nhân dân K1, Phường E thể hiện: Nguyên vào năm 1973 Tôi có xây cất một căn nhà trong vuông đất số 151A đường N, thuộc khóm B, Phường E, quận B để dưỡng già, sau cách mạng thành công, thấy con tôi là Phan Trung C1 không có nhà ở nên tôi có cho gia đình nó về trú ngụ tại căn nhà nói trên. Căn nhà này không phải của cô Đình Thị T5 đứng ra xây cất, vậy xin ông Chủ tịch vui lòng khước từ khi có đơn xin thành lập tờ khai gia đình do y thị đứng làm gia trưởng nếu không có sự yêu cầu của tôi.

[30] Căn cứ, T20 sao điền thổ “Đề tham khảo” số 1208/TS-ĐC ngày 23/11/1996 của Sở Địa chính Thành phố H và Chứng thư đoạn mãi bất động sản năm 1965 thể hiện đất là của ông D1. Ông C1 cho rằng, khi đám cưới ông D1 đã tuyên bố cho vợ chồng ông nhà, đất tại số A N. Tuy nhiên, các đương sự trong vụ án không thừa nhận và cũng không biết có việc cho này. Đồng thời, theo giấy không ghi tiêu đề của ông Phan Văn D1 có nội dung: Đồng ý để căn nhà do tôi cất để dưỡng già tại vuông đất số 151A đường N, thuộc khóm B, Phường E, quận B (G), cho con tôi là Phan Trung C1 cùng với vợ và con lập tờ khai gia đình như sau: Phan Trung C1, Gia trưởng; Đình Thị T5, vợ và các con Phan Thị Quỳnh T7, Phan Trung C3, Phan Trung C2. Tôi chỉ đồng ý cho vợ chồng Phan Trung C1 được ở tại căn nhà nói trên mà thôi, chớ không được chuyển nhượng hoặc bán cho ai cả. Ngoài ra, theo đơn không ghi tiêu đề ngày 26/8/1975 của ông Phan Văn D1 gửi ông Chủ tịch Ủy ban nhân dân K1, Phường E thể hiện: Nguyên vào năm 1973 Tôi có xây cất một căn nhà trong vuông đất số 151A đường N, thuộc khóm B, Phường E, quận B để dưỡng già, sau cách mạng thành công, thấy con tôi là Phan Trung C1 không có nhà ở nên tôi có cho gia đình nó về trú ngụ tại căn nhà nói trên. Căn nhà này không phải của cô Đình Thị T5 đứng ra xây cất, vậy xin ông Chủ tịch vui lòng khước từ khi có đơn xin thành lập tờ khai gia đình do y thị đứng làm gia trưởng nếu không có sự yêu cầu của tôi. Do đó, ông C1 yêu cầu công nhận phần diện tích đất tại khuôn viên số A N, Phường A, quận B thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông C1 đã được ông D1 tặng cho là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[31] Theo tờ giấy gửi Hội đồng gia tộc của bà Phan Thị H1 ngày 29/11/1993 có nội dung: xin hội đồng gia tộc cho được nói rộng căn nhà với

diện tích là dài 5m, rộng mặt trước 2,5m và mái sau là 4,5m, việc sử dụng chung diện tích nói ra không ảnh hưởng đến sinh hoạt chung của các căn nhà đã xây cất trên khu đất này.

Xét, tờ giấy gửi Hội đồng gia tộc của bà Phan Thị H1 ngày 29/11/1993 nêu trên không thể hiện là các thành viên gia tộc tặng cho bà H1 phần đất tại số nhà A N, Phường A, quận B. Đồng thời, tại phiên tòa ông Đ ủy quyền cho ông Đ1 đại diện và ông C1 không thừa nhận việc cho bà H1 phần đất tại căn nhà A N. Do đó, bà H1 yêu cầu công nhận phần đất tại khuôn viên số nhà A N, Phường A, quận B thuộc quyền sở hữu của bà H1 được hội đồng gia tộc tặng cho là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[32] Theo tờ giấy gửi Hội đồng gia tộc của ông Phan Văn H2 ngày 04/12/1992 có nội dung: xin hội đồng gia tộc cho được cất nhà ở miếng đất trước nhà của ba tôi.

Xét, tờ giấy gửi Hội đồng gia tộc của ông Phan Văn H2 ngày 04/12/1992 nêu trên không thể hiện là các thành viên gia tộc tặng cho ông H2 phần đất tại số nhà A N, Phường A, quận B. Đồng thời, tại phiên tòa ông Đ ủy quyền cho ông Đ1 đại diện và ông C1 không thừa nhận việc cho ông H2 phần đất tại căn nhà A N. Do đó, ông H2 yêu cầu công nhận phần đất tại số nhà A N, Phường A, quận B thuộc quyền sở hữu của ông H2 được hội đồng gia tộc tặng cho là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[33] Theo tờ giấy gửi Hội đồng gia tộc của ông Phan Quốc T1 ngày 27/02/1993 có nội dung: Nguyên vợ chồng tôi đang ở một căn nhà diện tích 26m². Nhà này được xây cất đã lâu, đến nay nền nhà bị nứt, tường bị xé, cột nhà bị gãy có nguy cơ sụp đổ. Hiện nay con lại có con nhỏ, nên kính xin Hội đồng gia tộc cho phép con được đập phá xây cất lại căn nhà trên (trên đất của ông bà) và việc xây dựng không ảnh hưởng đến mọi sinh hoạt của các hộ xung quanh.

Theo Giấy cho phép sử dụng đất của ông Phan Văn K ngày 28/11/1993 có nội dung: nay làm giấy này chính thức cho con trai tôi là Phan Quốc T1 được sử dụng một khoảng đất diện tích là 26m², để sửa chữa xây nhà ở có sẵn. Căn nhà này không được sang nhượng hay bán cho người khác ngoài anh chị em ruột vì đây là đất của ông bà.

Xét, tờ giấy gửi Hội đồng gia tộc của ông Phan Quốc T1 ngày 27/02/1993 nêu trên không thể hiện là các thành viên gia tộc tặng cho ông T1 phần đất tại số nhà A N, Phường A, quận B. Đồng thời, tại phiên tòa ông Đ ủy quyền cho ông Đ1 đại diện và ông C1 không thừa nhận việc cho ông T1 phần đất tại căn nhà A N. Đồng thời, Giấy cho phép sử dụng đất của ông Phan Văn K ngày 28/11/1993 cũng không thể hiện việc tặng cho và ông K cũng không phải là chủ sở hữu phần đất nêu trên. Do đó, ông T1 yêu cầu công nhận phần đất tại số nhà A N, Phường A, quận B thuộc quyền sở hữu của ông T1 được hội đồng gia tộc tặng cho là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[34] Theo trích sao điền thổ “Để tham khảo” số 1208/TS-ĐC ngày 23/11/1996 của Sở Địa chính Thành phố H; Chứng thư đoạn mãi bất động sản năm 1965 thì quyền sử dụng đất là của ông D1. Đồng thời, ông C1 cũng không

thừa nhận có việc ông D1 cho ông Kim phần đất tại số A N. Do đó, bà H1, ông H2, ông T1 là người đại diện theo ủy quyền của bà L, ông Q, bà H6, bà H7, bà P2, ông V, bà C, bà T2, ông P3, bà Y không đồng ý chia quyền sử dụng đất tọa lạc tại số A N, Phường A, quận B (hiện nay bà L và các con bà L, ông K đang sử dụng), là không có căn cứ.

[35] Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018; thống nhất biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản ngày 07/6/2013 và trình bày xác nhận thống nhất nhà số A N, Phường A, quận B (ông C1, bà T5 đang sử dụng), phần xây dựng là do ông C1, bà T5 xây dựng; nhà số A N, Phường A, quận B (ông T1 đang sử dụng), phần xây dựng là do ông T1 xây dựng; nhà số A N, Phường A, quận B (ông H2 đang sử dụng), phần xây dựng là do ông H2 xây dựng; nhà số A N, Phường A, quận B (bà H1 đang sử dụng), phần xây dựng là do bà H1 xây dựng; nhà số A N, Phường A, quận B (bà L đang sử dụng), phần xây dựng là do ông K, bà L xây dựng.

Đồng thời, các đương sự thỏa thuận thống nhất trước khi chia thừa kế diện tích đất 631m² thì trừ diện tích 10 cái mộ có diện tích là 31,1m²; trừ đường đi chung có diện tích là 166,99m²; trừ diện tích đất đường đi vi phạm lộ giới 16,3m²; trừ phần đất giáp mộ (xung quanh mộ) số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 có diện tích là 33,11m² là đường đi chung theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018, còn lại bao nhiêu chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[36] Ông D1 chung sống với bà Võ Thị B2 (chết năm 1935), không đăng ký kết hôn, có 02 người con là ông Phan Văn Đ và ông Phan Văn K (chết năm 2007). Năm 1965, ông D1 mua nhà đất nêu trên. Như vậy, bà B2 chết năm 1935, trước khi ông D1 tạo lập phần đất nêu trên (năm 1965). Do đó, quyền sử dụng đất tại khuôn viên số 151A, 153, 153A, 153B, 153C đường N, Phường A, quận B không phải là tài sản chung của bà B2.

[37] Ông D1 chung sống với bà L3 năm 1946 không có đăng ký kết hôn. Năm 1950, ông D1 chung sống với bà H có đăng ký kết hôn ngày 19/9/1957, ngoài ra năm 1954 ông D1 chung sống với bà C5 không có đăng ký kết hôn. Căn cứ Luật Hôn nhân gia đình năm 1959 và điểm a mục 4 Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế thì ông D1 với bà L3, bà H và bà C5 là quan hệ vợ chồng. Do đó, quyền sử dụng đất tọa lạc tại số A, 153, 153A, 153B, 153C đường N, Phường A, quận B theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018 có diện tích là 631m² là tài sản chung của ông D1, bà L3, bà H, bà C5, theo quy định tại Điều 15 Chương 3 Luật Hôn nhân gia đình năm 1959 quy định về nghĩa vụ và quyền lợi của vợ chồng “ Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới” và Nghị quyết số 76-CP ngày 25/3/1977 của Hội đồng Chính phủ, về việc hướng dẫn thi hành và xây dựng pháp luật thống nhất cho cả nước.

[38] Như vậy, tài sản chung của ông D1, bà L3, bà H, bà C5 là quyền sử dụng đất 631m² trừ diện tích 10 cái mộ có diện tích là 31,1m²; trừ đường đi chung có diện tích là 166,99m²; trừ diện tích đất vi phạm lộ giới 16,3m²; trừ phần đất đường đi giáp mộ (xung quanh mộ) số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 có diện tích là 33,11m², còn lại là 383,5m² mỗi người được ¼ quyền sử dụng đất là 95,87m². Do đó, nguyên đơn ông Đ, bà M, bà P cùng ủy quyền cho ông Đ đại diện xác định tài sản quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản chung của ông D1 và bà H là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[39] Ông D1 chung sống với bà Võ Thị B2 (chết năm 1935), không đăng ký kết hôn, có 02 người con chung là ông Phan Văn Đ và ông Phan Văn K.

[40] Ông D1 chung sống với bà L3 năm 1946 không có đăng ký kết hôn, có một người con chung là ông Phan Trung C1.

[41] Ông D1 chung sống với bà H có đăng ký kết hôn năm 1957 và có chung 02 người con chung là bà Phan Thị Thanh P, bà Phan Thị Thanh M.

[42] Ông D1 chung sống với bà C5 năm 1954 không có đăng ký kết hôn và không có con chung.

[43] Ông D1, bà L3, bà H, bà C5, ông K chết không để lại di chúc.

[44] Ông D1 chết năm 1982, không để lại di chúc. Do đó, bà L3, bà H, bà C5, ông Đ, ông K, ông C1, bà P, bà M hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông D1 theo quy định Phần III Mục A Thông tư 81/TANDTC ngày 24/7/1981 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết các tranh chấp về thừa kế. Do đó, nguyên đơn ông Đ, bà M, bà P cùng ủy quyền cho ông Đ đại diện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông D1 cho 06 người gồm bà Trần Thị H, ông Phan Văn Đ, ông Phan Văn K, ông Phan Văn C6, bà Phan Thị Thanh P, bà Phan Thị Thanh M là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[45] Theo biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản ngày 07/6/2013 thì giá trị quyền sử dụng đất tại khuôn viên đất 153, 153A, 153B, 153C, A N, Phường A, quận B là 22.500.000 đồng/m².

[46] Di sản của ông D1 chết để lại là quyền sử dụng đất 95,87m², được chia thừa kế theo pháp luật cho các hàng thừa kế thứ nhất gồm 08 người là bà L3, bà H, bà C5, ông Đ, ông K, ông C6, bà P, bà M mỗi người được hưởng 1/8 bằng 11,98m² quyền sử dụng đất có giá trị là 269.550.000 đồng.

[47] Di sản của bà L3 chết để lại là 95,87m² (¼ tài sản chung) và 1/8 giá trị thừa kế từ ông D1 là 11,98m². Tổng cộng di sản quyền sử dụng đất của bà L3 chết để lại là 107,85m². Bà L3 chết năm 1984 không để lại di chúc, có một người con là ông C6 là hàng thừa kế thứ nhất, nên ông C6 được hưởng toàn bộ di sản quyền sử dụng đất của bà L3 là 107,85m² có giá trị là 2.426.625.000 đồng.

[48] Ông C6 được hưởng thừa kế từ di sản quyền sử dụng đất của ông D1 chết để lại là 11,98m² có giá trị là 269.550.000 đồng và được hưởng di sản quyền sử dụng đất của bà L3 107,85m² có giá trị là 2.426.625.000 đồng. Tổng

cộng ông C6 được hưởng quyền sử dụng đất 119,83m² có giá trị là 2.696.175.000 đồng.

[49] Bà H (chết năm 2008 trong quá trình giải quyết vụ án) có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H được nhận quyền sử dụng đất là 95,87m² (¼ tài sản chung) và 1/8 quyền sử dụng đất thừa kế từ ông D1 là 11,98m². Tổng cộng bà H có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ theo tố tụng là bà P, bà M, bà T, bà N được nhận quyền sử dụng đất 107,85m² có giá trị 2.426.625.000 đồng.

[50] Di sản của bà C5 chết để lại là 95,87m² (¼ tài sản chung) và 1/8 quyền sử dụng đất hưởng thừa kế từ ông D1 là 11,98m². Tổng cộng di sản của bà C5 để lại quyền sử dụng đất là 107,85m² có giá trị 2.426.625.000 đồng.

[51] Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định yêu cầu các đương sự trong vụ án cung cấp chứng cứ là những người thừa kế của bà C5. Tuy nhiên, các đương sự không cung cấp được chứng cứ những người thừa kế của bà C5 và xác nhận bà C5 chung sống với ông D1 không có con chung, cha mẹ bà C5 đã chết từ lâu và bà C5 không có anh em ruột. Đồng thời, theo kết quả xác minh của Công an P9 quận B có nội dung: Bà C5 có hộ khẩu thường trú tại I V, đã chết tại nhà vào tháng 10/1989. Về những người thừa kế tài sản của bà C5 Công an Phường 2 không biết.

[52] Như vậy, bà C5 chết ngày 22/10/1989 không có người thừa kế, nên di sản của bà C5 thuộc nhà nước theo quy định tại Điều 5 Phần I Thông tư 81/TANDTC ngày 24/7/1981 của Tòa án nhân dân tối cao và Điều 622 Bộ luật dân sự 2015.

[53] Ông Đ được hưởng di sản của ông D1 diện tích 11,98m² quyền sử dụng đất có giá trị là 269.550.000 đồng.

[54] Ông K (chết năm 2007 trong quá trình giải quyết vụ án) có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K là bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị H1, bà Phan Thị L1, ông Phan Văn H2, ông Phan Quốc T1, bà Phan Thanh P1, bà Phan Thị Kim C, bà Phan Thị Thanh T2, bà Phan Kim Y, bà Thạch Thị T3, ông Thạch Quốc D, ông Thạch Quốc B, bà Thạch Thị Hồng H3, ông Thạch Phúc H4, ông Thạch Văn B1, ông Thạch Văn H5, ông Thạch Phúc T4, bà Nguyễn Thị Bích P2 được hưởng quyền sử dụng đất 11,98m² có giá trị là 269.550.000 đồng.

[55] Bà P và bà M mỗi người được hưởng di sản của ông D1 diện tích 11,98m² quyền sử dụng đất có giá trị là 269.550.000 đồng.

[56] Xét gia đình ông C6 hiện nay đang sử dụng nhà đất tại số A N có diện tích 112,2m², đồng thời tại phiên tòa ông C6 xin nhận phần đất khu D có diện tích 8,11m² và khu đất A sân có diện tích 10,97m² theo bản vẽ hiện trạng của Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C6 xin nhận hiện vật và hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế.

[57] Ông C6 nhận quyền sử dụng đất tổng cộng là 131,28m². Tổng cộng ông C6 được hưởng di sản của ông D1 và di sản của bà L3 chết để lại là

119,83m². Như vậy, ông C6 có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Đ quyền sử dụng đất 11,45m² có giá trị là 257.625.000 đồng.

[58] Tại phiên tòa, bà H1 xác nhận hiện đang sử dụng diện tích đất tọa lạc tại số A N có diện tích là 21,1m² và phần đất bếp, nên xi măng có ký hiệu A có diện tích 21,1m² theo bản vẽ hiện trạng của Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018. Bà H1 xin nhận hiện vật diện tích tổng cộng 42,2m² và hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế. Do đó, bà H1 có nghĩa vụ giao cho nhà nước quyền sử dụng đất diện tích 42,2m² có giá trị là 949.500.000 đồng (là phần di sản của bà C5 không có người thừa kế).

[59] Ông T1 xác nhận hiện ông đang sử dụng diện tích đất tọa lạc tại số A N có diện tích là 35,5m² theo bản vẽ hiện trạng của Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018. Do đó, ông T1 có nghĩa vụ giao cho nhà nước quyền sử dụng đất diện tích 35,5m² có giá trị là 798.750.000 đồng (là phần di sản của bà C5 không có người thừa kế).

[60] Ông H2 đang sử dụng diện tích đất tọa lạc tại số A N có diện tích là 48,7m² và phần diện tích đất hiên là 5,7m² theo bản vẽ hiện trạng của Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018. Do đó, ông H2 có nghĩa vụ hoàn lại cho các đồng thừa kế quyền sử dụng đất là 54,4m² có giá trị là 1.224.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông H2 xin nhận phần diện tích đất trồng (sân) bên hông nhà 153B khu đất B có diện tích 30,16m² có giá trị 678.600.000 đồng theo bản vẽ hiện trạng của Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018.

Do đó, ông H2 có nghĩa vụ giao cho nhà nước quyền sử dụng đất diện tích 30,16m² có giá trị là 678.600.000 đồng (là phần di sản của bà C5 không có người thừa kế).

Ông H2 có nghĩa vụ hoàn lại cho bà H quyền sử dụng đất 28,73m² có giá trị là 646.425.000 đồng.

Ông H2 có nghĩa vụ hoàn lại cho bà P và bà M mỗi người quyền sử dụng đất là 11,98m² có giá trị là 269.550.000 đồng.

Ông H2 có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Đ quyền sử dụng đất là 0,53m² có giá trị là 11.925.000 đồng.

[61] Bà L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ theo tổ tụng của ông K đang sử dụng diện tích đất tọa lạc tại số A N có diện tích là 88,40m² và phần đất nhà vệ sinh (WC) có diện tích là 2,9m² theo bản vẽ hiện trạng của Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018, tổng cộng là 91,1m². Do đó, bà L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ theo tổ tụng của ông K là bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị H1, bà Phan Thị L1, ông Phan Văn H2, ông Phan Quốc T1, bà Phan Thanh P1, bà Phan Thị Kim C, bà Phan Thị Thanh T2, bà Phan Kim Y, bà Thạch Thị T3, ông Thạch Quốc D, ông Thạch Quốc B, bà Thạch Thị Hồng H3, ông Thạch Phúc H4, ông Thạch Văn B1, ông Thạch Văn H5, ông Thạch Phúc T4, bà Nguyễn Thị Bích P2 có nghĩa vụ hoàn lại cho các đồng thừa kế quyền sử dụng đất là 91,1m² trừ phần ông K được hưởng thừa kế di sản của ông D1 là

11,98m² nên có nghĩa vụ hoàn lại cho bà H quyền sử dụng đất diện tích 79,12m² có giá trị là 1.780.200.000 đồng.

[62] Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ theo tố tụng của ông K (con ông K, bà L). Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông C6 và không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H1, ông T1, ông H2.

Xác định toàn bộ diện tích 631m² thuộc thửa số 77, tờ bản đồ số 8 B xã (theo tài liệu trước năm 1975) – nay thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 25, Phường A, quận B là di sản của ông D1, bà L3, bà H và bà C5 chết để lại.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự thống nhất trừ các phần xây dựng nhà số 151A, 153, 153A, 153B, A N, Phường A, quận B và trước khi chia thừa kế diện tích đất 631m² thì trừ 10 cái mộ có diện tích là 31,1m²; trừ đường đi chung có diện tích là 166,99m²; trừ diện tích đất vi phạm lộ giới 16,3m²; trừ phần đất giáp mộ (xung quanh mộ) có diện tích là 33,11m² là đường đi chung theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018. Còn lại diện tích đất bao nhiêu thì chia theo quy định của pháp luật.

Di sản của ông D1: Là $\frac{1}{4}$ diện tích 383,5m² đất, tương đương 95,87m².

Những người thừa kế của ông D1 gồm bà L3, bà H, bà C5, ông Đ, ông K, ông C6, bà P và bà M. Như vậy, mỗi người được $\frac{1}{8}$ diện tích 95,87m² tương đương 11,98m²;

Di sản của bà L3 là $\frac{1}{4}$ diện tích 383,5m² đất và phần thừa kế $\frac{1}{8}$ di sản của ông D1, tương đương 107,85m².

Người thừa kế của bà L3 là ông C6, như vậy ông C6 được hưởng 107,85m² và phần thừa kế của ông D1, tương đương 119,83m²;

Di sản của bà H là $\frac{1}{4}$ diện tích 383,5m² đất và phần thừa kế của ông D1, tương đương 107,85m².

Di sản của bà C5 là $\frac{1}{4}$ diện tích 383,5m² đất và phần thừa kế của ông D1, tương đương 107,85m². Do bà C5 không có người thừa kế nên di sản trên thuộc Nhà nước.

Về phương thức chia: Các thừa kế trên được chia theo phần diện tích nêu trên. Người nhận đất thừa phải trả tiền cho người không nhận, cho Nhà nước hoặc người thiếu. Giá đất được xác định theo giá tại biên bản định giá ngày 07/6/2013.

Như đã nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, nên chấp nhận.

[63] Về phí ủy thác tư pháp: Ông Phan Văn Đ tự nguyện chịu 300.000 đồng được trừ vào 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003410 và 0003411 cùng ngày 27/5/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[64] Về chi phí ủy thác tư pháp và chi phí lập bản vẽ, định giá tài sản: Ông Đ tự nguyện chịu (đã nộp đủ).

[65] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đ, bà P, bà M, ông C6, bà L, bà H1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Do đó, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho những người nêu trên theo quy định tại Điều 12 Chương I Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu công nhận quyền sở hữu của ông H2 và ông T1 không được chấp nhận, nên phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng (đơn yêu cầu độc của ông H2, ông T1 lập thu lý ngày 03/6/2017).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 74; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273; khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố dân sự;

Căn cứ Điều 15 Chương 3 Luật Hôn nhân gia đình năm 1959;

Căn cứ Nghị quyết số 76-CP ngày 25/3/1977 của Hội đồng Chính phủ, về việc hướng dẫn thi hành và xây dựng pháp luật thống nhất cho cả nước.

Căn cứ Điều 5 Phần I và Phần III Mục A Thông tư 81/TANDTC ngày 24/7/1981 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết các tranh chấp về thừa kế;

Căn cứ điểm a mục 4 Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế;

Căn cứ Điều 158; Điều 163; Điều 612; Điều 613; Điều 614; Điều 622; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 6 Điều 26 và Điều 12 Chương I Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn K là bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị H1, ông Phan Văn H2, ông Phan Quốc T1, bà Phan Thanh P1, bà Phan Thị Kim C, bà Phan Thị Thanh T2, bà Phan Kim Y.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phan Trung C1 về việc yêu cầu công nhận diện tích đất 112,2m² tại khuôn viên nhà số A N, Phường A, quận B thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông C1 đã được ông D1 tặng cho.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H1 về việc yêu cầu công nhận diện tích đất 21.1m² tại khuôn viên nhà số nhà A N, Phường A, quận B thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà H1 đã được hội đồng gia tộc tặng cho.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn H2 về việc yêu cầu công nhận diện tích đất và hiện tổng cộng là 54.4m² tại khuôn viên số nhà A N, Phường A, quận B thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông H2 đã được hội đồng gia tộc tặng cho.

5. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Quốc T1 về việc yêu cầu công nhận diện tích đất 35,5m² tại khuôn viên số nhà A N, Phường A, quận B thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông T1 đã được hội đồng gia tộc tặng cho.

6. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị H, ông Phan Văn Đ, ông Phan Văn K, bà Phan Thị Thanh P, bà Phan Thị Thanh M.

7. Xác định diện tích đất thuộc về bất động sản số 1017, nhằm lô số 77, tờ bản đồ thứ 8 Bình Hòa xã, có diện tích 517m² (nay thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 25, Phường A, quận B) theo Trích sao điền thổ “Đề tham khảo” số 1208/TS-ĐC ngày 23/11/1996 của Sở Địa chính Thành phố H, đo đạc thực tế hiện nay là 631m² theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018) là tài sản chung của ông D1, bà L3, bà H và bà C5.

8. Ghi nhận sự thỏa thuận thống nhất của các đương sự là phần xây dựng nhà số A N, Phường A, quận B là do ông C1, bà T5 xây dựng; nhà số A N, Phường A, quận B là do ông T1 xây dựng; nhà số A N, Phường A, quận B là do ông H2 xây dựng; nhà số A N, Phường A, quận B là do bà H1 xây dựng; nhà số A N, Phường A, quận B là do ông K, bà L xây dựng. Đồng thời, trước khi chia thừa kế diện tích đất 631m² thì trừ 10 cái mộ có diện tích là 31,1m²; trừ đường đi chung có diện tích là 166,99m²; trừ diện tích đất vi phạm lộ giới 16,3m²; trừ phần đất giáp mộ (xung quanh mộ) số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 có diện tích là 33,11m² là đường đi chung theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018.

9. Xác định tài sản chung của ông D1, bà L3, bà H, bà C5 là quyền sử dụng đất diện tích còn lại là 383,5m² tại khuôn viên tọa lạc tại 151A, 153, 153A, 153B, A N, Phường A, quận B theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018.

10. Xác định ông D1, bà L3, bà H, bà C5 mỗi người được ¼ tài sản quyền sử dụng đất là 95,87m² tại khuôn viên tọa lạc tại 151A, 153, 153A, 153B, A N, Phường A, quận B.

11. Xác định di sản của ông Phan Văn D1 chết để lại quyền sử dụng đất có diện tích là 95,87m² tọa lạc tại khuôn viên số 151A, 153, 153A, 153B, 153C đường N, Phường A, quận B theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018.

12. Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông D1 gồm: Bà L3, bà H, bà C5, ông Đ, ông K, ông C1, bà P, bà M.

13. Xác định bà L3, bà H, bà C5, ông Đ, ông K, ông C1, bà P, bà M mỗi người được hưởng thừa kế di sản của ông D1 chết để lại là 11,98m² có giá trị

quyền sử dụng đất 269.550.000 đồng tại khuôn viên tọa lạc tại 151A, 153, 153A, 153B, A N, Phường A, quận B.

14. Di sản quyền sử dụng đất của bà C5 chết để lại là 107,85m² có giá trị là 2.426.625.000 đồng (tài sản của bà C5 là 95,87m² và phần bà C5 được hưởng thừa kế từ di sản của ông D1 là 11,98m²) tọa lạc tại khuôn viên số 151A, 153, 153A, 153B, 153C đường N, Phường A, quận B theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018.

15. Xác định bà C5 chết không có người thừa kế nên di sản quyền sử dụng đất của bà C5 thuộc nhà nước.

16. Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của bà L3 là ông C1.

17. Xác định di sản quyền sử dụng đất của bà L3 chết để lại là 107,85m² có giá trị là 2.426.625.000 đồng (tài sản của bà L3 là 95,87m² và phần bà L3 được hưởng thừa kế từ di sản của ông D1 là 11,98m²) tọa lạc tại khuôn viên số 151A, 153, 153A, 153B, 153C đường N, Phường A, quận B theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018.

18. Xác định ông C1 được hưởng thừa kế di sản quyền sử dụng đất của ông D1 để lại 11,98m² và hưởng thừa kế di sản quyền sử dụng đất của bà L3 là 107,83m², tổng cộng ông C1 được hưởng quyền sử dụng đất là 119,83m² tọa lạc tại khuôn viên số 151A, 153, 153A, 153B, 153C đường N, Phường A, quận B theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018.

19. Giao cho ông C1 được quyền sử dụng đất tọa lạc tại số A N, Phường A, quận B có diện tích 112,2m² và phần đất khu D có diện tích 8,11m²; khu đất A sân có diện tích 10,97m², tổng cộng diện tích là 131,28m² theo bản vẽ hiện trạng của Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018.

20. Ông C1 có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Đ quyền sử dụng đất 11,45m² có giá trị là 257.625.000 đồng.

21. Xác định tài sản quyền sử dụng đất của bà H là 95,87m² và phần bà H được hưởng thừa kế di sản của ông D1 là 11,98m². Tổng cộng bà H có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ theo tổ tụng của bà H là bà P, bà M, bà N, bà T được nhận quyền sử dụng đất là 107,85m² có giá trị là 2.426.625.000 đồng tại khuôn viên số 151A, 153, 153A, 153B, 153C đường N, Phường A, quận B theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018.

22. Giao cho bà Nguyễn Thị L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ theo tổ tụng của ông K là bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị H1, bà Phan Thị L1, ông Phan Văn H2, ông Phan Quốc T1, bà Phan Thanh P1, bà Phan Thị Kim C, bà Phan Thị Thanh T2, bà Phan Kim Y, bà Thạch Thị T3, ông Thạch Quốc D, ông Thạch Quốc B, bà Thạch Thị Hồng H3, ông Thạch Phúc H4, ông Thạch Văn B1, ông Thạch Văn H5, ông Thạch Phúc T4, bà Nguyễn Thị Bích P2 được quyền sử dụng quyền sử dụng đất tại khuôn viên đất tọa lạc tại nhà số A N, Phường A, quận B (bà L đang sử dụng), có diện tích là 88,40m² và phần đất nhà vệ sinh (WC) có diện tích là 2,9m² theo bản vẽ hiện trạng của Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018.

23. Bà L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ theo tổ tụng của ông K là bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị H1, bà Phan Thị L1, ông Phan Văn H2, ông Phan Quốc T1, bà Phan Thanh P1, bà Phan Thị Kim C, bà Phan Thị Thanh T2, bà Phan Kim Y, bà Thạch Thị T3, ông Thạch Quốc D, ông Thạch Quốc B, bà Thạch Thị Hồng H3, ông Thạch Phúc H4, ông Thạch Văn B1, ông Thạch Văn H5, ông Thạch Phúc T4, bà Nguyễn Thị Bích P2 có nghĩa vụ hoàn lại bà H có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ theo tổ tụng của bà H là bà P, bà M, bà T, bà N quyền sử dụng đất là 79,12m² có giá trị là 1.780.200.000 đồng.

24. Giao cho ông H2 được quyền sử dụng đất tọa lạc tại số A N, Phường A, quận B có diện tích là 48,7m²; phần diện tích đất hiên là 5,7m² và diện tích đất trồng (sân) bên hông nhà 153B khu đất B có diện tích 30,16m² theo bản vẽ hiện trạng của Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018.

25. Ông H2 có nghĩa vụ hoàn lại cho bà H quyền sử dụng đất 28,73m² có giá trị là 646.425.000 đồng.

26. Ông H2 có nghĩa vụ hoàn lại cho bà P và bà M mỗi người quyền sử dụng đất là 11,98m² có giá trị là 269.550.000 đồng.

27. Ông H2 có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Đ quyền sử dụng đất là 0,53m² có giá trị là 11.925.000 đồng.

28 Ông H2 có nghĩa vụ giao cho nhà nước giá trị quyền sử dụng đất trồng (sân) bên hông nhà 153B khu đất B diện tích 30.16m² của bà C5 không có người thừa kế có giá trị là 678.600.000 đồng.

29. Giao cho bà H1 được quyền sử dụng đất tọa lạc tại số A N, Phường A, quận B có diện tích là 21,1m² và phần đất bếp, nền xi măng ký hiệu A có diện tích 21,1m² theo bản vẽ hiện trạng của Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018.

30. Bà H1 có nghĩa vụ giao cho nhà nước phần di sản quyền sử dụng đất diện tích 42,2m² của bà C5 không có người thừa kế có giá trị là 949.500.000 đồng.

31. Giao cho ông T1 được quyền sử dụng đất tọa lạc tại số A N, Phường A, quận B có diện tích là 35,5m² theo bản vẽ hiện trạng của Công ty TNHH C8 lập ngày 18/6/2018.

32. Ông T1 có nghĩa vụ giao cho nhà nước phần di sản quyền sử dụng đất diện tích 35,5m² của bà C5 không có người thừa kế có giá trị là 798.750.000 đồng.

33. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì người có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chậm thi hành án.

34. Sau khi các đương sự đã thanh toán nghĩa vụ số tiền nêu trên thì được quyền liên hệ các cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật.

35. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời số 06/QĐ-KC ngày 09/4/2001 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

36. Về phí ủy thác tư pháp: Ông Phan Văn Đ tự nguyện chịu 300.000 đồng được trừ vào 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003410 và 0003411 cùng ngày 27/5/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

37. Về chi phí ủy thác tư pháp và chi phí lập bản vẽ, định giá tài sản: Ông Đ tự nguyện chịu (đã nộp đủ).

36. Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí cho ông Đ, bà M, bà P, ông C1, bà L, bà H1.

H8 lại cho ông Phan Văn Đ số tiền 50.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí theo số 021414 ngày 06/12/2000 của Đội Thi hành án quận Bình Thạnh (nay là Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh) và số tiền 11.690.700 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001363 ngày 15/11/2004 của Thi hành án quận B (nay là Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh).

H8 lại cho ông Phan Trung C1 số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0047589 ngày 01/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

H8 lại cho bà Phan Thị H1 số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0034428 ngày 21/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phan Văn H2 phải chịu án phí là 300.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0034426 ngày 21/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phan Văn T21 phải chịu án phí là 300.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0034427 ngày 21/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

38. Án xử công khai sơ thẩm, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn Đ2 ủy quyền cho ông Phan Trọng Đ1 đại diện, bà Phan Thị Thanh P, bà Phan Thị Thanh M cùng ủy quyền cho ông Phan Văn Đ đại diện, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn K, ông Phan Văn C6, bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị H1, ông Nguyễn Thành Q, ông Phan Văn H2, bà Lê Thị H6, ông Phan Quốc T1, bà Võ Thị H7, bà Phan Thanh P1, ông Huỳnh Nguyễn V, bà Phan Thị Kim C, bà Phan Thị Thanh T2, ông Nguyễn Văn P3, bà Phan Kim Y cùng ủy quyền cho ông Phan Văn H2, bà Phan Thị H1 và ông Phan Quốc T1 đại diện, bà Đinh Thị T5, ông Thạch Quốc B bà Nguyễn Thị Bích P2 có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Trung C2, bà Ngô Thị Xuân T6, ông Phan Trung C3, bà Nguyễn Thị Tuấn P4, bà Phan Thị Quỳnh T7, ông Lại Nhân T8, ông Thạch Quốc D, bà Thạch Thị Hồng H3, ông Thạch Phúc H4, ông Thạch Phúc T4, ông Thạch Văn B1, ông Thạch Văn H5, bà Thạch Thị T3, bà Thái Kiều T, ông Trần Phan Minh T9, ông Nguyễn Thanh L2, bà Phan Võ Nguyệt T10, trẻ Phan Võ

Nhật T11 có ông Phan Quốc T1 và bà Võ Thị H7 là đại diện theo pháp luật, bà Nguyễn Phan Phương Q1, ông Nguyễn Phan Minh Q2, bà Phan Thị Thanh V1, bà Phan Thị Thanh V2, trẻ Phan Ngô Xuân T12, trẻ Phan Ngô Trung T13 có ông Phan Trung C2 và bà Ngô Thị Xuân T6 là đại diện theo pháp luật, trẻ Phan Nguyễn Khánh P5 có ông Phan Trung C3 và bà Nguyễn Thị T22 P4 là đại diện theo pháp luật, trẻ Lại Tiên T14 có ông Lại Nhân T8 và bà Phan Thị Huỳnh T16 là đại diện theo pháp luật vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Bà Thái Kiều N và bà Phan Thị L1 hiện cư trú ở nước ngoài được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- TAND Tối cao;
- TAND quận Bình Thạnh;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS; (20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Tường